

Số: *111*/BC-TTYT

Kiên Hải, ngày 10 tháng 7 năm 2025

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện công tác Y tế 06 tháng đầu năm 2025 và
phương hướng nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2025**

I. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Thuận lợi

- Thời gian qua, được sự quan tâm theo dõi, chỉ đạo sâu sát của Lãnh đạo các cấp uỷ đảng, chính quyền, BCĐ CSSKND; sự phối hợp các ban ngành, đoàn thể xã hội, chính quyền địa phương tạo điều kiện cho ngành y tế thực hiện tốt các chương trình mục tiêu y tế quốc gia, chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho người dân; đảm bảo đủ thuốc, vật tư y tế phục vụ người dân.

- Viên chức, người lao động ngành y tế được đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, từng bước nâng chất lượng khám chữa bệnh trên địa bàn.

- Đơn vị được các Bệnh viện, Trung tâm tuyến tỉnh hỗ trợ chỉ đạo tuyến; chia sẻ, hướng dẫn chuyên môn đảm bảo thực hiện các chương trình YTQG đạt hiệu quả...

2. Khó khăn

- Địa bàn chia cắt, giao thông đi lại khó khăn, biến động theo mùa ảnh hưởng đến công tác chỉ đạo tuyến, phòng chống dịch các xã.

- Giai đoạn giao thời, một số công việc chưa được triển khai đồng bộ; các hướng dẫn thi hành một số điều khoản Luật KCB và BHYT mới năm 2025 triển khai còn chậm, chưa cụ thể dẫn tới lúng túng ở một số cơ sở y tế, đặc biệt trong công tác chuyển tuyến và thanh quyết toán BHYT...

- Nhân lực ngành y tế còn thiếu để bố trí theo đề án vị trí việc làm dẫn tới việc triển khai còn chậm và công việc kiêm nhiệm chồng chéo nhiều. Một số chỉ tiêu đạt hiệu quả chưa cao; việc ứng dụng CNTT trong chuyển đổi số ngành triển khai còn chậm...

II. THỰC HIỆN CÔNG TÁC Y TẾ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo điều hành

- Trung tâm Y tế huyện đã tham mưu Huyện uỷ, UBND huyện tập trung chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của ngành Y tế về chăm sóc sức khoẻ ban đầu; phòng chống dịch bệnh; thực hiện các chương trình y tế quốc gia; dân số, truyền thông giáo dục sức khoẻ...: Trong 6 tháng đầu năm, đơn vị đã tiếp nhận triển khai

thực hiện cụ thể hoá 846 văn bản trong đó: Công văn 169¹; Kế hoạch 178²; Quyết định 167 văn bản³; Báo cáo 119 văn bản; Thông báo 114 văn bản; Tờ trình 66 văn bản; Biên bản: 17; Giấy mời: 16. Khảo sát, giám sát và nhu cầu sử dụng TTB-VTTYT ở y tế cơ sở năm 2025...

- Chỉ đạo các khoa/phòng, trạm y tế xã xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện các chỉ tiêu được giao; báo cáo định kỳ nhiệm vụ thực hiện. Thực hiện nghiêm các nội quy, quy định, quy trình về công tác chuyên môn, đảm bảo quá trình thực hiện diễn ra an toàn; thực hiện nghiêm 12 điều y đức, quy tắc ứng xử của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng người dân.

- Phối hợp chặt chẽ với cơ quan, ban ngành trong thực hiện nhiệm vụ; tham mưu các cấp chính quyền địa phương đảm bảo công tác chuyên môn ngành y tế, xây dựng tiêu chí về y tế xã trong thực hiện xây dựng nông thôn mới...

- Ứng dụng khoa học kỹ thuật cải tiến chất lượng bệnh viện, áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý, vận hành hoạt động khám chữa bệnh và báo cáo...

2. Kết quả thực hiện

2.1. Công tác khám, chữa bệnh

Các đơn vị triển khai thực hiện tốt công tác chuyên môn; không có sự cố y khoa nghiêm trọng nào xảy ra; đảm bảo chế độ thường trực, quyền lợi của người tham gia BHYT. Trong 06 tháng đầu năm có 11.921 lượt KCB đạt 50%, trong đó: Khám BHYT 9.405 lượt; xử trí cấp cứu ban đầu 33 lượt; Chuyển tuyến trên 2.656 lượt; Trẻ em dưới 6 tuổi 331 lượt; Người cao tuổi >60 tuổi: 4.191 lượt; Điều trị nội trú: 52 lượt đạt 36%; Công xuất giường bệnh 36%; Khám và điều trị YHCT: 1.409 lượt đạt 47%; bệnh án ngoại trú: 85 lượt đạt 57%. Cận lâm sàng: Test nhanh đường huyết 655 lượt; Siêu âm 143 lượt. ECG 54 lượt.

2.2. Công tác Chăm sóc SKSS/KHHGD

- Tổng số áp dụng các biện pháp tránh thai: 698 lượt⁴ đạt 56%.

- Tổng số sanh tại cơ sở y tế: 71 ca đạt 20%.

- Tổng số khám phụ khoa: 1.118 lượt đạt 60% KH. Tổng số lượt điều trị phụ khoa: 560 lượt đạt 67% KH.

- Tổng số PN có thai: 71; Số PN đẻ được khám thai >3 lần thai kỳ: 71.

2.3. Công tác Phòng chống dịch, bệnh (Số liệu từ 01/01/2025-30/05/2025)

¹(1) Về việc đảm bảo cung ứng và kiểm soát giá thuốc điều trị cúm mùa; (2) Khám tuyển nghĩa vụ quân sự cho 61 thanh niên sẵn sàng nhập ngũ; (3) V/v tăng cường công tác truyền thông phòng chống cúm mùa đông xuân; (4) Đảm bảo phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; (5) triển khai thực hiện công điện số 125/CD-TTg Thủ tướng Chính Phủ...

²(1) Kế hoạch phát triển y tế năm 2025; Kế hoạch sử dụng thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần tiền chất 2025; (2) Kế hoạch tiêm chủng năm 2025; (3) kế hoạch phòng cháy, chữa cháy năm 2025; (4) kế hoạch động chương trình của Khoa ATTP-YTCC và Dinh dưỡng năm 2025; KH phòng chống dịch bệnh SXH, TCM, Thủy đậu...

³(1) Thành lập ban tiểu ban Khánh tiết- Hậu cần hợp mặt kỷ niệm 70 năm ngày thầy thuốc Việt Nam; (2) Thành lập Ban tổ chức hợp mặt kỷ niệm 70 năm ngày thầy thuốc Việt Nam...

⁴ Vòng: 698 lượt đạt 55%; Thuốc tiêm: 25 lượt đạt 50%; Thuốc viên: 263 lượt đạt 47%; Bao cao su: 305 đạt 61,2%.

Thực hiện giám sát quản lý chặt chẽ công tác phòng chống dịch trên địa bàn, không để dịch bệnh lây lan. Trong 06 tháng qua so cùng kỳ, ghi nhận 06 ca Sởi tăng 06 ca; 02 ca Tay chân miệng tăng 01 ca; XSH-D 00 ca... Thực hiện công tác tiêm chủng thường xuyên miễn dịch cơ bản cho trẻ em đạt 49%; Phụ nữ có thai UV2⁺ đạt 44%; VgB trẻ <1 tuổi đạt 30%. Các chương trình phòng chống bệnh không truyền nhiễm, truyền nhiễm và nguy hiểm khác được báo cáo, quản lý chặt chẽ, cấp phát thuốc kịp thời, đúng thời gian cho bệnh nhân như HIV/AIDS, Lao, Phong, Tâm thần; các bệnh mạn tính khác Tăng huyết áp, Đái tháo đường...

2.4. Công tác An toàn vệ sinh thực phẩm- Y tế công cộng và Dinh dưỡng

- Theo dõi thường xuyên công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra các cơ sở, đảm bảo ATVSTP tại cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống trên địa bàn huyện. Phối hợp liên ngành huyện kiểm tra, giám sát hoạt động ATVSTP qua kiểm tra 197 cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt 73%. Trong 6 tháng, không xảy ra trường hợp ngộ độc thực phẩm.

- Hướng dẫn Trạm Y tế các xã thực hiện tốt công tác thu gom, xử lý chất thải đúng theo quy định; báo cáo quản lý sức khỏe môi trường. Chương trình phòng chống SDD trẻ <5 tuổi CN/T: 6,4% đạt 103% KH, CC/T: 7,7 đạt 103%; Đảm bảo số trẻ, bà mẹ sau sinh uống Vitamin A và cân trọng tháng cho các đối tượng theo quy định và kế hoạch. Tỷ lệ trẻ <5 tuổi được cân đo 124/1266 đạt 10% KH.

- Phối hợp khoa chuyên môn CDC tỉnh hướng dẫn các Trường về công tác Y tế Trường học, Nhà học đường.

2.5. Công tác Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe

- Tập trung truyền thông các nội dung chương trình mục tiêu Y tế - Dân số, DS-KHHGD, nâng cao chất lượng dân số thông qua tuyên truyền, tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; vận động phát hiện, can thiệp sớm dị tật, bệnh ở thai nhi và sơ sinh; điều chỉnh mức sinh; mất cân bằng giới tính khi sinh; tư vấn chăm sóc SKSS/KHHGD cho vị thành niên-Thanh niên⁵; chăm sóc sức khỏe người cao tuổi trên địa bàn huyện. Tuyên truyền, treo băng rôn hưởng ứng các chủ đề truyền thông nhân các ngày, tháng, tuần lễ, sự kiện ngành Y tế; các Chủ trương chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước về công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân⁶.

- Tổng số người thực hiện các biện pháp tránh thai hiện đại là: 1.081/1.116 người; đạt 97% kế hoạch giao trong đó⁷: Trẻ em mới sinh ra (*ước tính đến 30/06/2025*) là: 68 trẻ (Tăng 01 trẻ so với cùng kỳ), trong đó 33 trẻ là nữ (tăng 02 trẻ so với cùng kỳ), con thứ 3⁺ là 16 trẻ (Tăng 01 trẻ so với cùng kỳ). Tỷ số giới tính khi sinh: 106 bé trai/100 bé gái (*06 tháng 2024 là 109,4 bé trai/100 bé gái*).

⁵ Tư vấn sức khỏe 2.801/3.000 (đạt 93%) lần cho: 2.801 lượt người; Thảo luận nhóm 22/50 cuộc (đạt 44%): có 499 lượt người tham dự; Thăm hộ gia đình 174/400/ (đạt 44%) hộ có: 261 lượt người; Nói chuyện chuyên đề được 19/20 cuộc (đạt 95%) với trên 272 người tham dự.

⁶ Tuyên truyền qua Đài Truyền thanh huyện 345 lần, xã 432 lượt. Tin bài 15/30 tin (đạt 50%); Trung tâm giáo dục sức khỏe tỉnh 04/08 (đạt 50%) tin bài, 10 ảnh; Nhận và cấp phát cho cộng đồng 60 bản tin sức khỏe; Phát hành và treo: 52 băng rôn...

⁷ Vòng: 83, Thuốc tiêm 59, thuốc cấy 02, Bao cao su 462, Thuốc uống tránh thai 433 (*Bao cao su, thuốc tiêm và thuốc uống tránh thai tính theo số người đang sử dụng*).

2.6. Công tác Dược- Trang thiết bị- Vật tư y tế:

Tham mưu thực hiện tốt các nhiệm vụ đầu thầu thuốc, vật tư y tế, hoá chất theo các giai đoạn SYT chỉ đạo; cung ứng thuốc BHYT, vắc xin, thuốc chương trình cho các đơn vị khám chữa bệnh; thống kê, báo cáo công tác dược. Phối hợp kiểm kê tài sản, quản lý TTB y tế theo quy định. Tiếp tục tham mưu hoàn thiện, kiện toàn lại Hội đồng thuốc và điều trị, thành lập các tổ giúp việc cho Hội đồng; xây dựng kế hoạch hoạt động Khoa dược và Hội đồng thuốc năm 2025; xây dựng các quy trình về dược theo hướng dẫn của BHYT...

2.7. Hoạt động tài chính kế toán

Đơn vị không thực hiện được tự thu tự chi mà kinh phí được cấp hoàn toàn từ ngân sách Nhà nước đảm bảo chi đúng, chi đủ, tiết kiệm và thanh quyết toán theo đúng quy định Nhà nước; Các dự án viện trợ không có. Đầu năm được Nhà nước giao dự toán: 27.034.420.000 đồng; Thu phí lệ phí 552.105.503 đồng; Số dư năm 2024 chuyển sang 807.519.211 đồng. Trong 6 tháng đầu năm 2025 đơn vị thực hiện chi: 12.145.193.352đ; trong đó: Chi cho lương, phụ cấp: 10.205.569.542đ; Chi hoạt động thường xuyên: 1.320.901.974đ; Chi cho phụ cấp Y tế áp, CVT DS 176.904.000đ; Chi viện phí, phí ATTP năm 2025: 441.817.836 đồng.

2.8. Việc ứng dụng Công nghệ thông tin

Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án Chuyển đổi số đối với ngành Y tế năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030; cập nhật, hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin điện tử Trung tâm các văn bản chỉ đạo, điều hành được kịp thời. Tiếp tục nâng cấp, triển khai các phần mềm quản lý khám, chữa bệnh và thanh toán BHYT; Thực hiện tiếp nhận khám chữa bệnh bằng thẻ CCCD có gắn chip và thực hiện liên thông dữ liệu giấy chứng sinh và giấy báo tử; tiếp tục triển khai khám, chữa bệnh kê đơn thuốc điện tử chữ ký số; triển khai hóa đơn điện tử. Tổ chức quản lý sức khỏe điện tử người dân; triển khai kế hoạch thực hiện Bệnh án điện tử, ký số; sổ khám chữa bệnh điện tử và khám chữa bệnh từ xa qua các ứng dụng và phần mềm VNPT-His.... Khai thác phần mềm quản lý tài sản; phần mềm thống kê y tế theo Thông tư số 37/2019/TT-BYT.

2.9. Công tác thi đua khen thưởng và NCKH

- Đầu năm đơn vị ký giao ước thi đua toàn ngành; tuyên truyền tăng cường ý thức tổ chức kỷ luật, thực hiện quy chế dân chủ, triển khai đến tất cả CNVC, người lao động nội quy, quy chế hoạt động của cơ quan, đơn vị.

- Hội đồng NCKH và CN Trung tâm đã thông qua 5 Đề cương Đề tài NCKH trình Hội đồng Khoa học Sở Y tế đánh giá phê duyệt đạt 2/5 Đề cương đề tài nghiên cứu khoa học của đơn vị.

2.10. Công tác Quân dân y kết hợp

Hội đồng khám tuyển NVQS Trung tâm Y tế phối hợp BCH QS, CA huyện; tổ chức KSK cho Quân dân tại ngũ, đã xuất ngũ, học sinh đăng ký xét tuyển vào các trường Quân đội năm 2025 được 15 học sinh; lực lượng dân quân tự vệ 20.

III. NHẬN XÉT

1. Ưu điểm

- Thực hiện nghiêm công tác chỉ đạo tuyến, hỗ trợ cho tuyến dưới; Các chương trình, kế hoạch được triển khai nhanh chóng, kịp thời xuống các cơ sở; 100% các cơ sở y tế có bác sĩ, hộ sinh làm việc; đảm bảo cơ bản cơ sở thuốc, vật tư y tế, vắc xin, hoá chất cho công tác khám bệnh, chữa bệnh, phòng chống dịch và xử trí cấp cứu ban đầu.

- Công tác kiện toàn tổ chức từng bước theo vị trí việc làm, đào tạo nguồn nhân lực luôn được quan tâm, cơ bản theo định hướng phát triển ngành y tế; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyên môn khám chữa bệnh; kiểm soát tốt công tác phòng chống dịch bảo đảm đúng quy trình, hướng dẫn; một số chỉ tiêu các chương trình y tế quốc gia đạt vượt mức kế hoạch giao.

- Phương tiện, trang thiết bị y tế được đầu tư, sử dụng bước đầu phát huy hiệu quả là cơ sở phát triển cận lâm sàng. Tăng cường ứng dụng CNTT trong khám chữa bệnh, quản lý sức khỏe người dân phục vụ chuẩn quốc gia về y tế và xây dựng NTM...

- Việc ứng dụng CNTT chuyển đổi số ngành y tế vào công tác quản lý, khám điều trị bệnh được triển khai mạnh mẽ theo tinh thần chỉ đạo Chính phủ, BHYT và UBND tỉnh.

2. Hạn chế và nguyên nhân

- Một số chỉ tiêu kế hoạch giao chưa đạt do hoạt động khám chữa bệnh thông tuyến, tâm lý lựa chọn các cơ sở khám chữa bệnh tuyến trên; chất lượng phục vụ chưa đáp ứng nhu cầu của người dân. Chưa khai thác tối đa công suất sử dụng các trang thiết bị y tế do thiếu nhân sự, chuyên môn cần đào tạo. Một số chương trình y tế quốc gia chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em có tỷ lệ phụ nữ sinh trong 6 tháng thấp do tâm lý nhiều cặp vợ chồng chưa muốn sinh thêm và điều kiện kinh tế khó khăn; công tác truyền thông GDSK cộng đồng còn thấp do triển khai kế hoạch còn chậm; chương trình Vitamin A thiếu thuốc cấp từ Trung ương về địa phương nên chưa triển khai được; số mẫu test nhanh VSATTP chưa thực hiện KH thực hiện trong Quý 3; CT tiêm chủng mở rộng cho đối tượng PN có thai và TE <1 tuổi đạt thấp do tỷ lệ PN mang thai và sinh thấp.

- Hạ tầng thông tin internet thấp; thiếu nhân sự trong triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong chuyển đổi số, bệnh án điện tử, phục vụ quản lý KCB từ xa còn trông chờ hướng dẫn, chỉ đạo cấp trên...

IV. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 06 THÁNG CUỐI NĂM 2025

1. Tiếp tục thực hiện tốt công tác tiếp nhận và tham mưu xử lý các văn bản; Triển khai cập nhật thường xuyên dữ liệu chương trình phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu khám chữa bệnh của Trung tâm và các cơ sở Y tế trực thuộc; triển khai Kế hoạch và tổ chức thực hiện đơn vị XSD. Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy ngành y tế cơ sở; tham mưu Sở Y tế Đề án thành lập lại TTYT, TYT và Đề án vị trí việc làm của đơn vị; thăng hạng, chuyển ngạch viên chức; Báo cáo công tác kiểm tra cải cách hành chính; đề án, kế hoạch chuyển đổi số trong khám bệnh, chữa bệnh...

2. Tiếp tục tham mưu cho Ban Giám đốc triển khai, cụ thể hoá các văn bản liên quan thực hiện các chỉ tiêu của ngành. Tiếp tục thực hiện kế hoạch chỉ đạo tuyến năm 2025. Kế hoạch cải tiến chất lượng bệnh viện năm 2025; Kế hoạch tổ chức hội thi và duy trì phương pháp 5S năm 2025; Giám sát các hoạt động khám chữa bệnh và các chương trình y tế quốc gia; ...

3. Đối chiếu, quyết toán kinh phí năm 2025; quyết toán lương, tiền trực, kinh phí hoạt động, kinh phí phòng chống dịch; kinh phí mua sắm năm 2025; hoàn tất báo cáo quyết toán tài chính cấp trên theo quy định. ...

4. Thực hiện tiêm chủng thường xuyên; Tiếp tục theo dõi, giám sát chặt chẽ các bệnh truyền nhiễm lưu hành địa phương, đặc biệt là nguy cơ bùng phát thành dịch Điều tra, giám sát chỉ số côn trùng xã trọng điểm; Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các kế hoạch chương trình y tế quốc gia; Báo cáo các chương trình quản lý trên hệ thống bệnh truyền nhiễm;...

5. Phối hợp giám sát, kiểm tra các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống; tập huấn, tuyên truyền vệ sinh ATTP; thực hiện tốt chương trình PC suy dinh dưỡng, bổ sung Vitamin A. Tăng cường tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu y tế quốc gia; quản lý bệnh nghề nghiệp, sức khoẻ môi trường và phòng chống tai nạn thương tích...

6. Tăng cường vai trò Hội đồng thuốc và điều trị thực hiện các nhiệm vụ, quy trình mua sắm, đấu thầu thuốc, trang thiết bị vật tư y tế; tiếp tục chỉ đạo các cơ sở sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả và kinh tế, báo cáo theo yêu cầu; dự trù thuốc chương trình phục vụ, cấp phát cho bệnh nhân Lao, Tâm thần. Rà soát thuốc, trang thiết bị, vật tư y tế chuẩn bị đối phó nguy cơ bùng phát dịch bệnh...

7. Tiếp tục tham mưu tổng hợp và xây dựng các chỉ số về dân số học cơ bản; Tổ chức thực hiện chiến dịch truyền thông dân số; Đề án Mất cân bằng giới tính khi sinh; Chương trình “Chăm sóc sức khoẻ người cao tuổi”. Tham mưu xây dựng và triển khai các kế hoạch, báo cáo hoạt động Dân số-TT GDSK; cập nhật thông tin biến động dân số vào kho dữ liệu điện tử. Đẩy mạnh công tác truyền thông, tăng cường hiệu quả tuyên truyền phòng, chống dịch bệnh; đưa tin bài và treo băng rôn hưởng ứng các ngày, tháng, tuần lễ, sự kiện của ngành Y tế.

8. Các cơ sở khám chữa bệnh thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân; Thực hiện tốt biện pháp phòng, chống dịch bệnh tại đơn vị như Sốt xuất huyết, Tay chân miệng, Covid-19... đảm bảo an toàn theo hướng dẫn Bộ Y tế; thực hiện tốt chính sách Bảo hiểm y tế; Tham mưu kịp thời cho BCD Chăm sóc sức khỏe Nhân dân triển khai kế hoạch, chương trình thực hiện chỉ tiêu của đơn vị tại địa phương; báo cáo công tác duy trì thực hiện chuẩn quốc gia về y tế xã năm 2025 và thực hiện chế độ trực ban, báo cáo đúng theo quy định.

V. CÁC GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT

1. Các giải pháp

- Tăng cường vai trò lãnh đạo, người đứng đầu đơn vị; văn bản chỉ đạo cấp trên; giám sát, kiểm tra các nhiệm vụ thực hiện; bám sát chương trình kế hoạch đã ban hành các chỉ tiêu được giao đề xuất giải pháp phù hợp tập trung thực hiện.

- Kịp thời xây dựng các đề án, phương án, kế hoạch kiện toàn lại công tác tổ chức, bộ máy ngành y tế theo chính quyền địa phương 2 cấp phù hợp đặc thù, điều kiện thực tế địa phương đặc khu.

- Tranh thủ các nguồn vốn đầu tư, các chương trình; Đề án phát triển cho y tế biển đảo để tăng cường công tác tổ chức, đào tạo nguồn nhân lực và sử dụng phù hợp có hiệu quả các nguồn lực được hỗ trợ.

- Triển khai nhanh các Đề án tổ chức, nhân sự toàn ngành sau khi được phê duyệt; ổn định tổ chức, giám sát, phân công nhiệm vụ đúng chức năng hoạt động từng đơn vị.

- Theo dõi diễn biến tình hình dịch bệnh trong khu vực, trong nước và địa phương triển khai kịp thời các phương án, kế hoạch phòng chống dịch hiệu quả trên địa bàn.

- Các đơn vị phối hợp chặt chẽ với các ngành, chính quyền địa phương tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các chương trình mục tiêu y tế quốc gia; nâng cao chất lượng công tác khám và điều trị bệnh tuyến y tế cơ sở; đảm bảo đủ thuốc, trang thiết bị, vật tư y tế. Nâng cấp hạ tầng CNTT đáp ứng lĩnh vực chuyển đổi số; khai thác, sử dụng các phần mềm ứng dụng CNTT vào lĩnh vực ngành quản lý, KCB, kết nối dữ liệu điện tử ...

2. Kiến nghị, đề xuất

- Đề nghị Sở Y tế cụ thể hoá các văn bản hướng dẫn nghị định, thông tư liên quan đến ngành đến cơ sở; chỉ đạo rà soát chỉ tiêu thực hiện các đơn vị điều chỉnh phù hợp với năng lực thực hiện từng đơn vị; thăng hạng viên chức đủ điều kiện tại các đơn vị; hỗ trợ đơn vị công tác chuyển đổi số, khám chữa bệnh từ xa; liên kết đào tạo chuyên khoa lẻ, cận lâm sàng tại Tỉnh tạo điều kiện cho viên chức ngành được theo học và đảm bảo công việc của đơn vị...

- Đề nghị các Bệnh viện, Trung tâm tuyến tỉnh hỗ trợ đơn vị công tác chỉ đạo tuyến, chuyển tuyến để đơn vị thực hiện tốt các chương trình mục tiêu y tế quốc gia, chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho Nhân dân...

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện công tác Y tế 06 tháng đầu năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ công tác y tế 06 tháng cuối năm 2025. Đề nghị lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc Trung tâm Y tế căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức triển khai, thực hiện./. *mf*

Nơi nhận:

- KHTC Sở Y tế;
- P.VH-XH đặc khu Kiên Hải;
- Chi cục thống kê Kiên Hải;
- GD và các PGD TTYT; VPĐU Y tế;
- Khoa/Phòng/TYT xã;
- Trang TTĐT TTYT;
- Lưu VT, KHN&ĐD.

**GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Cẩn

BẢNG SỐ LIỆU
Chương trình y tế 6 tháng đầu năm 2025 so với cùng kỳ và kế hoạch

(Tính từ ngày 01/12/2025 - 30/5/2025)

CHƯƠNG TRÌNH Y TẾ	ĐVT	2024	2025			
		6 tháng	Kế hoạch	06 tháng	% so cùng kỳ	% so KH
I- HỆ THỐNG Y TẾ CƠ SỞ						
Dân số huyện	Người	18250	18116	18209	100	101
Số xã có Trạm y tế	Xã	4	4	4	100	100
- Số trạm y tế xã	Trạm	4	4	4	100	100
Trạm y tế đạt chuẩn quốc gia	%	4	4	4	100	100
Trung tâm Y tế	Cơ sở	1	1	1	100	100
Tỷ lệ Giường bệnh/vạn dân (Không có TYT)	GB/VD	30.1	30.3	29.74	99	98
TS cán bộ y tế	Người	103	114	113	110	99
Tỷ lệ cán bộ y tế/Vạn dân	%	56.44	62.9	62.06	110	99
Bác sĩ hiện có	Người	20	20	22	110	110
Tỷ lệ Bác sĩ/Vạn dân	%	10.96	12.07	12.08	110	100
II. DỊCH VỤ KHÁM CHỮA BỆNH						
TS cơ sở điều trị	Cơ sở	4	4	4	100	100.0
TS giường bệnh:	GB	55	55	55	100	100
TS lượt khám bệnh	Lượt	13520	24000	11921	88.2	50
TS bệnh nhân điều trị nội trú	Người	69	145	52	75	36
Ngày điều trị bình quân 1 BN nội trú	Người	5	4	4	80	100
Tỷ lệ bệnh nhân khỏi đỡ giảm	Người	70	70	100	143	143
Công suất sử dụng giường bệnh	Ngày	2	3	1.1	57	36
Khám và điều trị YHCT	lượt	1,769	3000	1409	80	47
Trong đó BA ngoại trú:	Lượt	89	150	85	96	57
III. Phòng Dân số - Truyền thông giáo dục sức khỏe						
1. Kế hoạch hoá gia đình						
TS người áp dụng các BPTT mới	Người	1.074	1.116	1.081	101	97
TĐ: - Đặt vòng	Người	57	238	129	226	54
- Uống thuốc TT	Người	467	356	433	93	122
- Thuốc tiêm TT	Người	87	100	69	79	69
- Bao cao su	Người	462	420	447	97	106
- Thuốc cấy	Người	1	2	3	300	150
2. Công tác TTGDSK						
Số phòng, góc tư vấn GDSK	Phòng, góc	5	5	5	100	100
Số tin, bài trên phát thanh loa huyện	Tin, bài	17	30	15	88	50
Số lần nói chuyện chuyên đề sức khỏe tại cụm dân cư, trường học, đoàn thể	Lần	8	20	19	238	95
Số lượt tư vấn	Lần	1522	3000	2801	184	93
Họp nhóm liên quan đến TT-GDSK	Lần	9	50	22	244	44
Số lần thăm hộ gia đình	Lần	45	400	174	387	44
Số tin bài, ảnh đăng gửi trên SKKG	Tin, bài	3	8	4	133	50
Tin bài phát qua hệ thống loa truyền thanh xã, trạm y tế	Tin, bài	247	200	432	175	216
IV. Khoa chăm sóc sức khỏe sinh sản						



CHƯƠNG TRÌNH Y TẾ	ĐVT	2024	2025			
		6 tháng	Kế hoạch	06 tháng	% so cùng kỳ	% so l
1. Kế hoạch hóa gia đình thực hiện tại cơ sở y tế	Lượt	760	1252	698	92	56
Đặt vòng	Lượt	125	300	190	152	63
Thuốc uống	Lượt	312	400	301	96	75
Bao cao su	Lượt	282	500	398	141	80
Thuốc tiêm TT	Lượt	41	50	36	88	72
Cây que TT	Lượt	0	2	0	-	0
2. Sức khỏe bà mẹ						
Phá thai	Cas	0	8	0	-	0
Số phụ nữ được đỡ đẻ tại cơ sở y tế	Người	89	350	71	80	20
Số lượt khám phụ khoa	lượt	970	1870	1118	115	60
Số phụ nữ điều trị phụ khoa	lượt	478	842	560	117	67
Số đẻ được khám thai >4 lần/kỳ	Người	89	315	71	80	23
Số phụ nữ đẻ được quản lý thai	Người	89	315	71	80	23
Bà mẹ và trẻ SS được chăm sóc sau đẻ	Người	89	340	71	80	21
3. Chăm sóc sức khỏe Trẻ em						
Số trẻ đẻ ra sống	TE	89	350	71	80	20
Số trẻ tử vong dưới 1 tuổi	TE	0	0	0	-	-
Số trẻ tử vong dưới 5 tuổi	TE	0	0	0	-	-
V. Khoa ATTP- Y tế công cộng & DD						
1. Chương trình Vitamin A						
Số xã triển khai	Xã	4	4	4	100	100
TE 6-36 tháng uống Vit. A	TE	750	750	735	98	98
Số PN sanh trong tháng được uống Vitamin A	Người	35	100	48	137	48
2. Chương trình Nha học đường						
Số HS được khám SK răng miệng	HS	110	200	789	717	395
Số trường có tổ chức cho HS được súc miệng bằng NaF 2%	Trường	4	4	2	50	50
Số trường thực hiện giáo dục SK răng miệng cho HS TH-mẫu giáo	Trường	4	6	2	50	33
Số HS tiểu học và mẫu giáo bán trú thực hiện chải răng tại trường	HS	300	100	389	130	389
3. Chương trình PC SDD						
TE <5 tuổi được cân, đo	TE	1266	1266	124	10	10
Tỷ lệ suy dinh dưỡng CN/Tuổi	%	6.6	6.4	6.4	96.97	100
Tỷ lệ suy dinh dưỡng CC/ T	%	7.9	7.7	7.7	103	100
4. Chương trình VSMT						
Kiểm tra, giám sát cơ sở y tế có công trình cấp nước và nhà tiêu hợp vệ sinh	Cơ sở	4	5	5	125	100
Kiểm tra, g/sát về quản lý chất thải y tế	Cơ sở	5	5	5	100	100
Thực hiện ngoại kiểm đối với đơn vị	Cơ sở	2	2	3	150	150
Kiểm tra, giám sát vệ sinh môi trường	Cơ sở	6	5	5	83.33	100
Kiểm tra, giám sát nhà tiêu hộ gia đình	Cơ sở	92	250	115	125	46
5. Chương trình YTTH						
Số trường được kiểm tra, giám sát các nội dung công tác y tế trường học	Trường	1	5	5	500	100
Số trường được hướng dẫn về công tác kiểm tra sức khỏe định kỳ cho học sinh	Trường	2	6	5	250	83.3

CHƯƠNG TRÌNH Y TẾ	ĐVT	2024	2025			
		6 tháng	Kế hoạch	06 tháng	% so cùng kỳ	% so KH
6. Chương trình Vệ sinh An toàn Thực phẩm						
- Số lượt thanh, kiểm tra	Lượt	230	271	197	86	72.7
- Test nhanh	HS	10	30	0	0	0.0
- Lấy mẫu xét nghiệm	Mẫu	21	25	12	57	48.0
Giấy CN CSĐDK ATTP	Cơ sở	6	5	7	117	140.0
Số ca ngộ độc thực phẩm/100.000	Cas	0	0	0	-	-
VI. Khoa Kiểm soát bệnh tật - HIV/AIDS						
1. Phòng chống Sốt xuất huyết						
Không chế tỷ lệ mắc <150/100.000 dân hàng năm	Người	0	0	0	-	
3% tỷ lệ ca lâm sàng SXH được xét nghiệm định tính tuýp vi rút	Mẫu	0	0	0	-	
3% tỷ lệ ca lâm sàng SXH được chẩn đoán bằng xét nghiệm huyết thanh học MAC-ELISA	Mẫu	0	0	0	-	
Số điểm giám sát vector thường xuyên (xã điểm)	Xã	1	1	1	100	
Giám sát dịch tễ cộng đồng	Xã	0	0	0	-	
1. Chương trình Phòng chống Sốt rét						
Tầm mùng bằng hóa chất	Người	0	1000	220	-	22
Số lam xét nghiệm	lam	88	300	0	0	0
Tỷ lệ SR/VD	%	0	0	0	-	
Số lượt BN điều trị	Lượt	0	2	0	-	0
2. Phòng chống Lao						
Số BN phát hiện mới	Người	16	30	13	81.25	55
Số BN quản lý	Người	70	57	41	59	72
3. Phòng chống Phong						
Số người khám phát hiện	Người	0	800	805	-	0
Số BN phát hiện mới	Người	0	0	0	-	100
Số BN quản lý điều trị	Người	2	2	2	100	100
Số BN chăm sóc tàn tật	BN	2	2	2	100	100
Số điểm triển khai	Điểm	5	5	4	80	100
Khám bệnh da tại cộng đồng	BN	100	200	200	200	50
4. Sức khỏe tâm thần:						
Tổng số lượt người khám	lượt	0	300	155	0	51.7
Số BN phát hiện mới	Người	0	0	0	0	0
Số BN quản lý	Người	37	28	28	100	100
TĐ: TT phân liệt	Người	17	13	13	100	100
Động kinh	Người	20	14	14	100	100
5. Phòng chống HIV/AIDS						
Số mẫu xét nghiệm HIV thực hiện tại cơ sở y tế	Test	56	150	62	110	41.3
Số người nhiễm mới	Người	4	5	5	125	100
Tỷ lệ phụ nữ mang thai có HIV dương tính được điều trị dự phòng lây từ mẹ sang con	%	0	0	0	-	-
Tỷ lệ trẻ đẻ ra sống từ mẹ nhiễm HIV được điều trị dự phòng ARV	%	0	0	0	-	-
Tỷ lệ người nhiễm HIV mắc Lao được điều trị đồng thời Lao và ARV	người	1	0	0	0	-
6. Quản lý và điều trị bệnh không lây nhiễm						

CHƯƠNG TRÌNH Y TẾ	ĐVT	2024	2025			
		6 tháng	Kế hoạch	06 tháng	% so cùng kỳ	% so KH
*Bệnh Đái tháo đường:						
-Tập huấn kỹ năng cho CB tham gia CT PC ĐTĐ	Người	10	10	4	40	40
- Số người được khám sàng lọc tại cộng đồng:	Người	460	1002	300	65	30
-Số bệnh nhân được quản lý điều trị:	Người	330	398	359	109	90
-Tư vấn cho người tiền đái tháo đường	Buổi	18	33	25	139	76
*Bệnh Tăng huyết áp:						
- Số lượt Cb y tế được đào tạo	Người	10	10	4	40	40
-Phát hiện BN qua khám sàng lọc tại cộng đồng:	Người	95	163	132	139	81
-Số bệnh nhân được quản lý và điều trị:	Người	513	567	503	98	89
- Duy trì mô hình quản lý BN tại trạm y tế:	Cơ sở	4	4	4	100	100
7. Chương trình TCMR						
Số trẻ < 1 tuổi được MDĐĐ (Tỷ lệ đạt 95%)	Trẻ	60	171	83	138	49
PN có thai được tiêm UV2 mũi 2 (Đạt 90%)	Người	51	172	75	147	44
Số trẻ <1 tuổi được tiêm Viêm gan B sơ sinh (Đạt 85%)	Trẻ	57	171	52	91	30

